

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
ÁP DỤNG TỪ KHÓA: 15 -17

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 774/QĐ-CĐCĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang)

Tên ngành: Điều dưỡng

Mã ngành: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng đa khoa đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng viên Việt Nam; có kiến thức khoa học cơ bản; có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ ở trình độ Cao đẳng; có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và hành nghề đúng pháp luật; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và tự học vươn lên.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Sau khi hoàn thành chương trình, người học có khả năng:

1.2.1 Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2 Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân, của nhóm.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.
- Thực hiện công tác chuyên môn ngoài nước.

1.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 41 môn học (bao gồm các môn tự chọn thay thế)
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2535 giờ, Tín chỉ: 99
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2100 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 717 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1737 giờ, kiểm tra: 81 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Bài tập/ Thảo luận	Kiểm tra (giờ)
I	Môn học chung:	20	435	157	255	23
DCT2417	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
DCT2218	Pháp luật	2	30	18	10	2
DCT2219	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	4
DCT2320	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
DCT2321	Tin học	3	75	15	58	2
DCT2305	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
DCT2306	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
II. Các môn học, mô đun chuyên môn						
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	27	525	290	209	26
CS12T201	Xác suất, Thống kê y học	2	45	15	28	2
CS12T402	Giải phẫu- Sinh lý	4	90	45	41	4
CS12T203	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	15	28	2
CS12T204	Dược lý	2	30	28	0	2
CS12T405	Điều dưỡng cơ sở I	4	90	30	56	4
CS12T506	Điều dưỡng cơ sở II	5	105	45	56	4
CS12T207	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2
CS12T208	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	30	28	0	2

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Bài tập/ Thảo luận	Kiểm tra (giờ)
CS12T209	Tâm lý người bệnh - Y đức	2	30	28	0	2
CS12T210	Môi trường và sức khỏe	2	30	28	0	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên ngành	52	1575	270	1273	32
CN12T401	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1	4	90	30	56	4
CN12T402	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2	4	90	30	56	4
CN12T303	Thực hành Lâm sàng CSSK người lớn 1	3	135	0	135	0
CN12T304	Thực hành Lâm sàng CSSK người lớn 2	3	135	0	135	0
CN12T305	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	75	30	43	2
CN12T206	Thực hành Lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	90	0	90	0
CN12T207	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	45	15	28	2
CN12T208	Thực hành Lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	90	0	90	0
CN12T209	Y học cổ truyền	2	45	15	28	2
CN12T210	Phục hồi chức năng	2	45	15	28	2
CN12T211	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng	2	45	15	28	2
CN12T312	Chăm sóc người bệnh hồi sức tích cực	3	60	30	28	2
CN12T213	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	45	15	28	2
CN12T214	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	45	15	28	2
CN12T215	Quản lý Điều dưỡng	2	45	15	28	2
CN12T216	Điều dưỡng cộng đồng	2	45	15	28	2
CN12T217	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	45	15	28	2
CN12T218	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	28	2
TN12T203	Thực tập Lâm sàng nghề nghiệp (Thực tập tốt nghiệp)	3	135	0	135	0

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Bài tập/ Thảo luận	Kiểm tra (giờ)
KL12T205	<i>Khoá luận/ Tín chỉ tương đương</i>	5	225	0	225	0
II.3	<i>Môn học, mô đun tự chọn</i>	05	120	30	86	04
Nhóm 1: Chăm sóc bệnh chuyên khoa						
TC12T301	Chăm sóc người bệnh Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt	3	75	15	58	02
TC12T202	Chăm sóc người bệnh Tâm thần - Thần kinh	2	45	15	28	02
Nhóm 2: Định hướng Xuất khẩu lao động						
TC12T303	Chăm sóc bệnh không lây	3	75	15	58	02
TC12T204	Tiếng Nhật	2	45	13	30	02
<i>Ghi chú: Kiến thức chuyên ngành tương đương Khoá luận tốt nghiệp: Sinh viên không làm khoá luận tốt nghiệp học 05 tín chỉ - SV chọn 1 nhóm trên thay thế</i>						
Tổng số (viết khóa luận tốt nghiệp)		99	2535	717	1737	81

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
ÁP DỤNG CHO KHÓA: 18**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 499/QĐ-CĐCD ngày 13 / 9 /2023
của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang)

Tên ngành, nghề: Điều dưỡng

Mã ngành: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng đa khoa đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng viên Việt Nam; có kiến thức khoa học cơ bản; có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ ở trình độ Cao đẳng; có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và hành nghề đúng pháp luật; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và tự học vươn lên.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Sau khi hoàn thành chương trình, người học có khả năng:

1.2.1 Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;

- Trình bày được kiến thức về tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc và sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;

- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;

- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2 Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;

- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
 - Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
 - Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
 - Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
 - Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
 - Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
 - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng dinh dưỡng;
- Điều dưỡng cộng đồng.

1.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

- Số lượng môn học, mô đun: **38 môn học**
- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: **102 Tín chỉ**
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435 giờ**
- Khối lượng các môn học cơ sở ngành, môn học chuyên môn: **2.085 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **773 giờ (30.7%)** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1.679 (66%)** giờ; Kiểm tra: **83 (3,3%)** giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Kiểm tra (giờ)
I	Môn học chung:	20	435	157	255	23
DCT2417	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
DCT2218	Pháp luật	2	30	18	10	2
DCT2219	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	4
DCT2320	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
DCT2321	Tin học	3	75	15	58	2
DCT2305	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
DCT2306	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
II. Các môn học, mô đun chuyên môn						
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	29	555	305	224	26
CS12T201	Xác suất, Thống kê y học	2	45	15	28	2
DC12T502	Giải phẫu – Sinh lý	5	105	45	56	4
CS12T203	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	15	28	2
CS12T204	Dược lý	2	30	28	0	2
DC12T505	Điều dưỡng cơ sở I	5	105	45	56	4
CS12T506	Điều dưỡng cơ sở II	5	105	45	56	4
CS12T207	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Kiểm tra (giờ)
CS12T208	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	30	28	0	2
CS12T209	Tâm lý người bệnh – Y đức	2	30	28	0	2
CS12T210	Môi trường và sức khỏe	2	30	28	0	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên ngành	49	1440	281	1129	30
DC12T401	Chăm sóc SK người lớn bệnh Nội khoa	4	90	30	56	4
DC12T402	Chăm sóc SK người lớn bệnh Ngoại khoa	4	90	30	56	4
DC12T303	Thực hành Lâm sàng CSSK người lớn bệnh Nội khoa	3	135	0	135	0
DC12T304	Thực hành Lâm sàng CSSK người lớn bệnh ngoại khoa	3	135	0	135	0
CN12T305	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	60	30	28	2
CN12T206	Thực hành Lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	90	0	90	0
CN12T207	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	3	60	30	28	2
CN12T208	Thực hành Lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	90	0	90	0
CN12T211	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng	2	30	28	0	2
CN12T312	Chăm sóc người bệnh hội sức tích cực	2	45	15	28	2

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Kiểm tra (giờ)
CN12T213	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	45	15	28	2
CN12T214	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	45	15	28	2
CN12T215	Quản lý Điều dưỡng	2	30	28	0	2
CN12T216	Điều dưỡng cộng đồng	2	45	15	28	2
CN12T217	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	45	15	28	2
CN12T218	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	28	2
DCTN12T5	Thực tập Lâm sàng nghề nghiệp (Thực tập tốt nghề)	5	225	0	225	0
DC12T320	Chăm sóc giảm nhẹ	2	45	15	28	2
DC12T222	Thực tập Điều dưỡng cộng đồng	2	90	0	90	0
II.2	Môn học, mô đun tự chọn	8	180	60	112	8
CN12T209	Y học cổ truyền	2	45	15	28	2
CN12T210	Phục hồi chức năng	2	45	15	28	2
DC12T219	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	2	45	15	28	2
DC12T221	Tổ chức quản lý y tế	2	45	15	28	2
	CỘNG	102	2520	773	1664	83

* Ghi chú: Sinh viên chọn 2 môn cho đủ 4 tín chỉ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
ÁP DỤNG TỪ KHÓA: 19

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Kèm theo Quyết định số: 574 /QĐ-CĐCĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024
của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang)

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận /	Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
DCT2422	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
DCT2218	Pháp luật	2	30	18	10	2
DCT2219	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DCT2320	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
DCT2321	Tin học	3	75	15	58	2
DCT2223	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
DCT2224	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
II. Các môn học, mô đun chuyên môn						
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	29	555	305	224	26
CS12T201	Xác suất, Thống kê y học	2	45	15	28	2
CS12T511	Giải phẫu – Sinh lý	5	105	45	56	4
CS12T203	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	15	28	2
CS12T204	Dược lý	2	30	28	0	2
CS12T505	Điều dưỡng cơ sở I	5	105	45	56	4
CS12T506	Điều dưỡng cơ sở II	5	105	45	56	4
CS12T207	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2
CS12T208	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	30	28	0	2
CS12T209	Tâm lý người bệnh - Y đức	2	30	28	0	2
CS12T210	Môi trường và sức khỏe	2	30	28	0	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên ngành	49	1440	281	1129	30

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận /	Kiểm tra
CN12T419	Chăm sóc SK người lớn bệnh Nội khoa	4	90	30	56	4
CN12T420	Chăm sóc SK người lớn bệnh Ngoại khoa	4	90	30	56	4
CN12T321	Thực hành Lâm sàng CSSK người lớn bệnh Nội khoa	3	135	0	135	0
CN12T322	Thực hành Lâm sàng CSSK người lớn bệnh ngoại khoa	3	135	0	135	0
CN12T305	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	60	30	28	2
CN12T206	Thực hành Lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	90	0	90	0
CN12T207	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	3	60	30	28	2
CN12T208	Thực hành Lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	90	0	90	0
CN12T211	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều	2	30	28	0	2
CN12T223	Chăm sóc người bệnh hồi sức tích cực	2	45	15	28	2
CN12T213	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	45	15	28	2
CN12T214	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	45	15	28	2
CN12T215	Quản lý Điều dưỡng	2	30	28	0	2
CN12T216	Điều dưỡng cộng đồng	2	45	15	28	2
CN12T217	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	45	15	28	2
CN12T218	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	28	2
TN12T501	Thực tập Lâm sàng nghề nghiệp (Thực tập tốt nghề nghiệp)	5	225	0	225	0
CN12T219	Chăm sóc giảm nhẹ	2	45	15	28	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận /	Kiểm tra
TN12T202	Thực tập Điều dưỡng cộng đồng	2	90	0	90	0
II.3	<i>Môn học, mô đun tự chọn (chọn đủ 04 tín chỉ)</i>	4	90	30	56	4
TC12T205	Y học cổ truyền	2	45	15	28	2
TC12T206	Phục hồi chức năng	2	45	15	28	2
TC12T207	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	2	45	15	28	2
TC12T208	Tổ chức quản lý y tế	2	45	15	28	2
	CỘNG	101	2.520	773	1.664	83